TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 1 - ĐỒNG NAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **17**/2026/HS-ST
Ngày 19-01-2026

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 1 - ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đồng Thị Kim Thoa

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Công Danh

Bà Nguyễn Thị Kim Chi

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà Nguyễn Thị Anh Thư - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 1 - Đồng Nai.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1 - Đồng Nai tham gia phiên tòa***: Bà Nguyễn Thị Quỳnh - Kiểm sát viên.

Ngày 19/01/2026, tại Hội trường số 4, trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 1 - Đồng Nai tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 337/2025/TLST-HS ngày 26/11/2025, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 387/2025/QĐXXST-HS ngày 26/12/2025 của Tòa án nhân dân khu vực 1 - Đồng Nai, đối với bị cáo:

TRẦN QUANG TR (tên gọi khác: Không), sinh ngày 16/6/1965, tại Quảng Ngãi; nơi đăng ký thường trú: tổ B, khu phố M, phường TH, tỉnh Đồng Nai; nơi ở hiện nay: Tổ 9H, khu phố PT, phường Tr, tỉnh Đồng Nai; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Quang T, sinh năm 1943 (còn sống) và bà Nguyễn Thị Th, sinh năm 1945 (còn sống); có vợ tên Kiều Thị P, sinh năm 1967 (đã chết) và có 02 con sinh năm 1993 và năm 1995; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú; có mặt tại phiên tòa.

- *Người bào chữa chỉ định cho bị cáo:* Bà Hoàng Minh Thư - Trợ giúp viên pháp lý thuộc Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Đồng Nai (có mặt).

- *Bị hại:* Ông Đậu Đức S, sinh năm 1966 (đã chết).

Người đại diện hợp pháp của bị hại:

1. Bà Trần Thị B, sinh năm 1968 (vợ) (có mặt).

Địa chỉ: Số 25, hẻm 847, khu phố C, phường Tr, tỉnh Đồng Nai.

2. Anh Đậu Đức M, sinh năm 1989 (con ruột) (vắng mặt).

Địa chỉ: Tổ B, khu phố C, phường Tr, tỉnh Đồng Nai.

3. Anh Đậu Đức Linh, sinh năm 1994 (con ruột) (có mặt).

Địa chỉ: Số 25, hẻm 847, khu phố C, phường Tr, tỉnh Đồng Nai.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào ngày 08/3/2025, ông Nguyễn Hữu Ng, sinh năm 1967, thường trú tại Tổ T, khu phố C, phường TP, thành phố B, tỉnh Đồng Nai (nay là phường Tr, tỉnh Đồng Nai) hợp đồng thuê Trần Quang Tr thi công xây dựng công trình nhà ở tại địa chỉ nêu trên. Tr đồng ý và thuê một số người làm tại công trình theo sự phân công của Tr. Tr chịu trách nhiệm về an toàn cho người lao động trong quá trình làm việc tại công trình.

Ngày 22/4/2025, ông Đậu Đức S, sinh năm 1966, thường trú tại xóm H, xã A, huyện Đ, tỉnh Nghệ An (nay là xã K, tỉnh Nghệ An) đến gặp Tr xin làm việc, Tr đồng ý thuê ông S làm việc tại công trình xây dựng trên và trả công theo ngày cho ông S. Đến khoảng 07 giờ ngày 23/4/2025, ông S đến làm việc và được Tr phân công lên sân thượng của căn nhà trên phụ giúp việc cắt sắt làm máng nước. Khi lên sân thượng, Tr nói ông S kéo cuộn dây điện màu đỏ, dài khoảng 10m, lõi dày khoảng 2,5mm treo tại giàn giáo trước đó để câu dẫn điện sử dụng máy cắt sắt. Tuy nhiên, quá trình làm việc, Tr không xây dựng nội quy, quy trình, biện pháp làm việc và tổ chức huấn luyện an toàn lao động, không trang bị phương tiện bảo vệ cá nhân cho ông S và đưa vào sử dụng dây dẫn điện không đảm bảo an toàn (dây có 04 điểm hở điện) dẫn đến ông S cầm vào cuộn dây điện và bị điện giật. Ông S được Tr và người dân đưa đi Bệnh viện 7B cấp cứu nhưng tử vong. Vụ việc được Công an phường Tân Phong (nay là Công an phường Tr) tiếp nhận và lập hồ hồ sơ để xử lý.

Quá trình điều tra, Trần Quang Tr khai nhận hành vi phạm tội như Cáo trạng mô tả.

Vật chứng vụ án:

- 01 (một) cuộn dây điện màu đỏ, chiều dài khoảng 10m, có ổ cắm điện, lõi dày khoảng 2,5mm. Qua kiểm tra ghi nhận trên dây điện có 04 điểm hở điện, đây là cuộn dây ông Đậu Đức S cầm vào khi xảy ra giật điện.

- 01 (một) cuộn dây điện màu vàng, chiều dài khoảng 13,5m có 01 đầu cắm, 01 đầu nối ổ cắm 03 chạc, lõi dày khoảng 2,5mm.

Tại Kết luận giám định tử thi số 708/KL-KTHS ngày 27/5/2025 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Đồng Nai kết luận:

"- Các kết quả chính: Bên ngoài thấy xây sát da gò má; vết bỏng cháy da 2,5cm x 0,5cm mặt trong đốt ba ngón trỏ bàn tay trái. Giải phẫu thấy các tạng xuất huyết. Kết quả mô bệnh học: bỏng da do điện, tổn thương cơ tim cấp dạng tăng co, phù phổi cấp.

- Nguyên nhân tử vong: Ngừng hô hấp tuần hoàn do tiếp xúc điện".

Tại Kết luận giám định mô bệnh học số 219/2025/KLMBH-TTPY ngày 04/6/2025 của Trung tâm pháp y Sở Y tế thành phố Hồ Chí Minh đã kết luận: Bỏng da do điện, tổn thương cơ tim cấp dạng tăng co, phù phổi cấp.

Tại Văn bản số 59/CV-TT ngày 08/5/2025 của Thanh tra Sở Nội vụ tỉnh Đồng Nai đã xác định lỗi vi phạm dẫn đến tai nạn: Trong quá trình tổ chức thi công xây

dựng, ông Trần Quang Tr - người sử dụng lao động có các hành vi vi phạm pháp luật về an toàn, vệ sinh lao động như sau:

- Không xây dựng các nội quy, quy trình, biện pháp làm việc đảm bảo an toàn vệ sinh lao động tại nơi làm việc theo quy định tại Điều 15 Luật An toàn, Vệ sinh lao động năm 2015.

- Sử dụng vật tư (dây dẫn điện để lấy nguồn điện cho máy cắt sắt) không đảm bảo an toàn, không tuân thủ Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về An toàn trong thi công xây dựng theo quy định tại khoản 2 Điều 16 Luật An toàn, Vệ sinh lao động năm 2015.

- Không cấp phát phương tiện bảo vệ cá nhân cho ông Đậu Đức S theo quy định tại Điều 23 Luật An toàn, Vệ sinh lao động năm 2015.

- Không tổ chức huấn luyện an toàn, vệ sinh lao động cho ông Đậu Đức S trước khi bố trí làm việc theo quy định tại khoản 5 Điều 14 Luật An toàn, Vệ sinh lao động năm 2015.

Tại Cáo trạng số 74/CT-VKSKV1 ngày 25/11/2025, Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1 - Đồng Nai đã truy tố bị cáo Trần Quang Tr phạm tội "Vi phạm quy định về an toàn lao động" quy định tại điểm a khoản 1 Điều 295 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát vẫn giữ nguyên quyết định truy tố. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ điểm a khoản 1 Điều 295; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự, tuyên bị cáo Trần Quang Tr phạm tội "Vi phạm quy định về an toàn lao động". Xử phạt bị cáo Trần Quang Tr mức hình phạt từ 01 (Một) năm 06 (S) tháng đến 02 (Hai) năm cải tạo không giam giữ.

Ngoài ra, đại diện Viện kiểm sát còn đề xuất về xử lý vật chứng và về án phí hình sự sơ thẩm theo quy định.

Ý kiến của người bào chữa cho bị cáo tại phiên tòa:

Về tội danh Viện kiểm sát truy tố là đúng người, đúng tội.

Về hình phạt: Thống nhất với đề nghị của đại diện Viện kiểm sát, bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ, không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự; bản thân bị cáo có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự; thuộc trường hợp người khuyết tật nặng, hiện đang được hưởng trợ cấp hàng tháng của nhà nước; bị cáo là lao động chính phải nuôi cha mẹ già yếu; tại địa phương bị cáo tích cực tham gia các phong trào do địa phương phát động và được nhận nhiều giấy khen, nên đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 51, Điều 36 Bộ luật Hình sự xét xử bị cáo hình phạt cải tạo không giam giữ theo đề nghị của đại diện Viện kiểm sát.

Về án phí: Bị cáo thuộc trường hợp người cao tuổi, người khuyết tật nên đề nghị Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo được miễn án phí hình sự sơ thẩm theo quy định.

Bị cáo không tranh luận với luận tội của Viện kiểm sát, thống nhất với ý kiến của người bào chữa và đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như nội dung tại Cáo trạng đã nêu. Bị cáo nói lời nói sau cùng xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt, cho bị cáo được hưởng sự khoan hồng của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa, bị cáo khai nhận hành vi phạm tội do mình thực hiện như nội dung bản Cáo trạng đã nêu, lời khai nhận tội này phù hợp với lời khai của bị cáo tại Cơ quan điều tra, lời khai của người làm chứng, kết luận giám định và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, thể hiện:

Vào khoảng 07 giờ ngày 23/4/2025, tại công trình xây dựng nhà ở, địa chỉ số Tổ T, khu phố C, phường TP, thành phố B, tỉnh Đồng Nai (nay là phường Tr, tỉnh Đồng Nai), bị cáo Trần Quang Tr là người sử dụng lao động, có hành vi phân công ông Đậu Đức S thực hiện nhiệm vụ kéo dây diện để câu nối điện sử dụng máy cắt sắt nhưng không xây dựng nội quy, quy trình, biện pháp làm việc đảm bảo an toàn vệ sinh lao động tại nơi làm việc; không trang bị, cấp phát phương tiện bảo vệ cá nhân cho người lao động; không tổ chức huấn luyện an toàn lao động theo quy định và đưa vào sử dụng dây dẫn điện không đảm bảo an toàn, không tuân thủ Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về an toàn trong thi công xây dựng dẫn đến ông S bị điện giật tử vong.

Hành vi của bị cáo Trần Quang Tr đã vi phạm khoản 5 Điều 14, Điều 15, khoản 2 Điều 16, Điều 23 Luật An toàn, Vệ sinh lao động năm 2015 gây hậu quả làm chết người.

- Khoản 5 Điều 14 Luật An toàn, Vệ sinh lao động năm 2015 quy định:

*"**Điều 14. Huấn luyện an toàn, vệ sinh lao động***

5. Việc huấn luyện về an toàn, vệ sinh lao động quy định tại Điều này phải phù hợp với đặc điểm, tính chất của từng ngành nghề, vị trí công việc, quy mô lao động và không gây khó khăn đến hoạt động sản xuất, kinh doanh. Căn cứ vào điều kiện cụ thể của cơ sở sản xuất, kinh doanh, người sử dụng lao động chủ động tổ chức huấn luyện riêng về an toàn, vệ sinh lao động hoặc kết hợp huấn luyện các nội dung về an toàn, vệ sinh lao động với huấn luyện về phòng cháy, chữa cháy hoặc nội dung huấn luyện khác được pháp luật chuyên ngành quy định".

- Điều 15 Luật An toàn, Vệ sinh lao động năm 2015 quy định:

"Nội quy, quy trình bảo đảm an toàn, vệ sinh lao động

Người sử dụng lao động căn cứ pháp luật, tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật quốc gia, quy chuẩn kỹ thuật địa phương về an toàn, vệ sinh lao động và điều kiện hoạt động sản xuất, kinh doanh, lao động để xây dựng, ban hành và tổ chức thực hiện nội quy, quy trình bảo đảm an toàn, vệ sinh lao động".

- Khoản 2 Điều 16 Luật An toàn, Vệ sinh lao động năm 2015 quy định:

*"**Điều 16. Trách nhiệm của người sử dụng lao động trong việc bảo đảm an toàn, vệ sinh lao động tại nơi làm việc***

2. Bảo đảm máy, thiết bị, vật tư, chất được sử dụng, vận hành, bảo trì, bảo quản tại nơi làm việc theo quy chuẩn kỹ thuật về an toàn, vệ sinh lao động, hoặc đạt các tiêu chuẩn kỹ thuật về an toàn, vệ sinh lao động đã được công bố, áp dụng và theo nội quy, quy trình bảo đảm an toàn, vệ sinh lao động tại nơi làm việc".

- Điều 23 Luật An toàn, Vệ sinh lao động năm 2015 quy định:

"Phương tiện bảo vệ cá nhân trong lao động

1. Người lao động làm công việc có yếu tố nguy hiểm, yếu tố có hại được người sử dụng lao động trang cấp đầy đủ phương tiện bảo vệ cá nhân và phải sử dụng trong quá trình làm việc.

2. Người sử dụng lao động thực hiện các giải pháp về công nghệ, kỹ thuật, thiết bị để loại trừ hoặc hạn chế tối đa yếu tố nguy hiểm, yếu tố có hại và cải thiện điều kiện lao động.

3. Người sử dụng lao động khi thực hiện trang cấp phương tiện bảo vệ cá nhân phải bảo đảm các nguyên tắc sau đây:

a) Đúng chủng loại, đúng đối tượng, đủ số lượng, bảo đảm chất lượng theo tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật quốc gia;

b) Không phát tiền thay cho việc trang cấp phương tiện bảo vệ cá nhân; không buộc người lao động tự mua hoặc thu tiền của người lao động để mua phương tiện bảo vệ cá nhân;

c) Hướng dẫn, giám sát người lao động sử dụng phương tiện bảo vệ cá nhân;

d) Tổ chức thực hiện biện pháp khử độc, khử trùng, tẩy xạ bảo đảm vệ sinh đối với phương tiện bảo vệ cá nhân đã qua sử dụng ở những nơi dễ gây nhiễm độc, nhiễm trùng, nhiễm xạ".

Do đó, có đủ cơ sở kết luận hành vi của bị cáo Trần Quang Tr phạm tội "Vi phạm quy định về an toàn lao động" theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 295 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) như kết luận của Kiểm sát viên là có căn cứ đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3] Xét tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo: Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm vào những quy định của pháp luật về an toàn lao động, nên việc đưa bị cáo ra xét xử là cần thiết.

[4] Xét các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và hình phạt đối với bị cáo:

- Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

- Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; sau khi phạm tội bị cáo đã tự nguyện bồi thường thiệt hại cho gia đình bị hại; gia đình bị hại có đơn xin xem xét giảm nhẹ đối với bị cáo; bị cáo là người khuyết tật, mức độ nặng (có xác nhận của Ủy ban nhân dân phường Tam Hiệp); có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự. Đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, s, p khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

- Về quyết định hình phạt: Hội đồng xét xử xét thấy bị cáo có nhân thân tốt; chưa có tiền án, tiền sự; lần phạm tội này bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại Điều 52 Bộ luật Hình sự và có nhiều tình tiết giảm nhẹ

trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Mặt khác bị cáo có nơi cư trú rõ ràng nên cho bị cáo được cải tạo ngoài xã hội theo quy định tại Điều 36 Bộ luật Hình sự là phù hợp với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo đồng thời cũng đủ tác dụng răn đe phòng ngừa tội phạm chung.

Về hình phạt bổ sung: Bị cáo thuộc trường hợp người cao tuổi, người khuyết tật; không có công việc, thu nhập ổn định, nên không cần thiết khấu trừ thu nhập và thực hiện lao động phục vụ cộng đồng trong thời gian cải tạo không giam giữ quy định tại khoản 3, 4 Điều 36 Bộ luật Hình sự.

[5] Về trách nhiệm dân sự:

Bị cáo đã bồi thường chi phí mai táng, tổn thất tinh thần cho gia định bị hại số tiền 55.000.000 đồng. Đại diện gia đình bị hại không yêu cầu bồi thường gì thêm, nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[6] Về xử lý vật chứng:

- Tịch thu tiêu hủy: 01 (một) cuộn dây điện màu đỏ, chiều dài khoảng 10m, có ổ cắm điện, lõi dày khoảng 2,5mm liên quan đến việc phạm tội và không còn giá trị sử dụng.

- Trả lại cho bị cáo Trần Quang Tr 01 (một) cuộn dây điện màu vàng, chiều dài khoảng 13,5m có 01 đầu cắm, 01 đầu nối ổ cắm 03 chạc, lõi dày khoảng 2,5mm do không liên quan đến việc phạm tội.

[7] Về án phí: Bị cáo Trần Quang Tr thuộc trường hợp người cao tuổi, người khuyết tật nên được miễn án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[8] Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1 - Đồng Nai tại phiên tòa về cơ bản phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử, nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 295; điểm b, s, p khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 36 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Tuyên bố bị cáo Trần Quang Tr phạm tội "Vi phạm quy định về an toàn lao động".

Xử phạt: Bị cáo Trần Quang Tr 01 (Một) năm 04 (Bốn) tháng cải tạo không giam giữ. Thời điểm bắt đầu chấp hành án phạt cải tạo không giam giữ tính từ ngày Cơ quan Thi hành án hình sự Công an tỉnh Đồng Nai nhận được quyết định thi hành án.

Giao bị cáo Trần Quang Tr cho Ủy ban nhân dân phường Tr, tỉnh Đồng Nai giám sát, giáo dục trong thời gian chấp hành hình phạt. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục bị cáo.

Trường hợp người bị kết án thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 100 Luật Thi hành án hình sự. Người bị kết án cải tạo không giam giữ phải thực hiện nghĩa vụ quy định tại Luật Thi hành án hình sự.

2. Về xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 46, Điều 47 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017); Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

- Tịch thu tiêu hủy: 01 (một) cuộn dây điện màu đỏ, chiều dài khoảng 10m, có ổ cắm điện, lõi dày khoảng 2,5mm.

- Trả lại cho bị cáo Trần Quang Tr: 01 (một) cuộn dây điện màu vàng, chiều dài khoảng 13,5m có 01 đầu cắm, 01 đầu nối ổ cắm 03 chạc, lõi dày khoảng 2,5mm.

(Toàn bộ vật chứng hiện Phòng Thi hành án dân sự khu vực 1 - Đồng Nai đang quản lý theo Biên bản giao nhận vật chứng, tài sản ngày 26/11/2025).

3. Về án phí: Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Bị cáo Trần Quang Tr được miễn án phí hình sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Căn cứ Điều 331, Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Bị cáo, bị hại có mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; bị hại vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND tỉnh Đồng Nai;
- Công an tỉnh Đồng Nai;
- VKSND khu vực 1 - Đồng Nai;
- Phòng THADS khu vực 1 - Đồng Nai;
- UBND nơi bị cáo cư trú;
- Công an nơi bị cáo cư trú;
- Bị cáo;
- Lưu HS, THS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đồng Thị Kim Thoa